

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021 – 2022
ĐỘ TUỔI: 5-6 TUỔI

ST T	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Thời gian thực hiện										
			TM N	BT	G Đ	NN	ĐV	G T	TV M X	TV	HTT N	QH	
I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất													
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp													
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	Các động tác hô hấp:											
		Gà gáy			X		X						X
		Ngủ hoa		X					X	X			
		Còi tàu				X		X					
		Thổi bóng bay	X									X	
		Tay - vai :											
		Đưa hai tay ra phía trước, lên cao.	X								X		
		Hai tay đưa ra trước sang hai bên.				X							X
	Tay đưa ra phía trước, gấp trước ngực.		X				X						

		Tay đưa ngang, gập khuỷu tay			x						x	
		Co duỗi từng tay kết hợp kiễng chân					x					
		Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao							x			
		Bụng – lườn:										
		Cúi xuống 2 chân thẳng hai tay chạm mũi bàn chân.	x							x		
		Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông.					x					x
		Hai tay dang ngang chân bước sang phải, sang trái.		x					x			
		Ngửa người ra sau kết hợp tay dơ lên cao chân bước sang phải, sang trái				x		x				
		Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái			x						x	
		Chân:										
		Đưa chân ra các phía			x					x		

		Khuyu gối					X					X
		Đưa lần lượt từng chân sang ngang.	X								X	
		Bước khuyu 1 chân ra phía trước, chân sau thẳng.		X					X			
		Nâng cao chân, gập gối				X		X				
		Bật nhảy:										
		Nhảy lên	X			X		X				
		Nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.		X			X			X	X	
		Đưa hai chân sang ngang			X				X			X
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động:												
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	Đi nổi bàn chân tiến, lùi		X								
		Đi trên dây	X									
		Đi trên ván kê dốc dài 2x0,3m					X					

		Đi khuyu gối										X
		Đi bằng mép ngoài bàn chân							X			
		Bật xa 40 - 50 cm	X									
		Bật liên tục vào vòng						X				
		Bật qua vật cản 15 - 20 cm.								X		
3	Trẻ kiểm soát được vận động	Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.			X							
		Đi đích dắc theo hiệu lệnh				X						
		Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh.					X					
		Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh							X			
		Chạy đích dắc theo hiệu lệnh						X				
		Chạy chậm 100- 120m	X									
		Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian				X						
		Chạy 18m trong khoảng 10 giây		X								

		Nhảy lò cò 5m					x					
4	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động.	Tung bóng lên cao và bắt bóng							x			
		Tung, đập bắt bóng tại chỗ		x								
		Đi và đập bắt bóng								x		
		Ném xa bằng 1 tay	x									
		Ném xa bằng 2 tay			x							
		Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay				x						
		Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay										x
		Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m									x	
		Trèo lên xuống 7 dóng thang.										x
		Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5 m			x							
		Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m.						x				
		Ném trúng đích bằng 2 tay								x		

5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp .	Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.				x						
		Bò đích đặc qua 7 điểm, ném bóng vào rổ.					x					
		Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh, đập bắt bóng tại chỗ.									x	
		Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân, bật liên tục qua các vòng								x		
		Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45cm, ném xa bằng 2 tay										x
		Bật tách chân, khép chân qua 7 ô, ném xa bằng 1 tay							x			
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt												
6	Trẻ thực hiện được các vận động.	Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.						x				
		Xé cắt dán đường vòng cung					x					
		Bẻ, nắn.								x		
		Lắp ráp.					x					
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối	Tô đồ theo nét					x					

	hợp tay - mắt trong một số hoạt động.	Tự mặc, cởi được quần áo, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa, đóng mở phéc-mô-tuya, luồn, buộc dây.		x								
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe												
8	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.			x							
9	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	Một số loại bánh, hoa quả trong ngày tết trung thu.	x									
		Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.							x			
10	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe	- Các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng đủ chất, sự liên quan ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, béo phì) - Các đặc sản quê hương: Bánh gai, bánh gấc, bánh đậu xanh...							x			x
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.												

11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản	Đi vệ sinh đúng nơi qui định, sử dụng đồ dùng đúng cách.		x								
12	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	Tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.	x									
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe												
13	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	Mời cô ăn, mời bạn ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. Không nói chuyện trong khi ăn. Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	x									
		Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.									x	
14	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, che miệng khi ho, hắt hơi, khi ngáp.		x								
		Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi		x								x

		trường đối với sức khỏe con người.										
		Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.									X	
		Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, sốt...nguyên nhân và cách phòng tránh.									X	
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh												
15	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	Tránh những hành động nguy hiểm và không chơi những vật dụng nguy hiểm như bếp lò đang đun, phích nước nóng, dao, kéo...nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần hoặc chơi những vật dụng đó.			X							
16	Trẻ biết những nơi nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	Không chơi gần những nơi nguy hiểm: ao, hồ, sông, giếng, bụi rậm...và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần									X	

17	Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..								X		
		- Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; Nhận biết rược bia, cà phê, hút thuốc lá có hại cho sức khỏe và không lại gần người đang hút thuốc lá. - Không tự ý uống thuốc.							X			
18	Trẻ biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm, gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu.	X									
		Tránh một số trường hợp không an toàn: Không đi theo, không Nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.			X							X

		Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.	x									
		Gọi người lớn giúp đỡ, nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc...			x							
19	Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	Đi học đều, đúng giờ theo quy định.Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.						x				
		Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.						x				
		Không leo trèo cây, ban công, tường rào.	x									
Giáo dục phát triển nhận thức.												
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.												
20	Trẻ tò mò tìm tòi, thích khám phá hay đặt câu hỏi về các sự vật hiện tượng xung quanh.	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh; Đặt câu hỏi tại sao, để làm gì, làm thế nào, khi nào...						x				

21	Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng.	- Đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, hoa, quả, con vật. - Quá trình phát triển của cây, con vật, diện tích sống của 1 số loại cây, con vật.					X			X		
		Nói được đặc điểm, công dụng, chất liệu và cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi.			X							
		Đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu; Một số quy định khi tham gia giao thông.						X				
		Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.									X	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi... - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.									X	

		Một số hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, bão lũ, gió, sấm chớp...)									X	
22	Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	Thử nghiệm đơn giản với các sự vật, hiện tượng gần gũi, phù hợp với trẻ .									X	
		Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.									X	
23	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	Xem sách tranh ảnh, băng hình...về đối tượng từ đó trò chuyện và thảo luận về đối tượng đó						X				
24	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.	X									
		Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.					X			X		
		Loại một đối tượng không cùng nhóm					X			X		
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản												

25	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	x									
		Mối liên hệ đơn giản một số loại cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.							x			
		Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.								x		
		Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây cối.								x		
		Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.								x		
		Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể		x								
26	Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản	Thể hiện một số công việc theo cách riêng của mình		x								

	bằng các cách khác nhau.											
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau												
27	Trẻ biết đưa ra nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	x									
		So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa quả; Cách chăm sóc chúng.					x			x		
		Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng Các nguồn nước trong môi trường sống									x	
28	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề.			x							
Nhận biết số đếm, số lượng												

29	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi..	Trả lời được các câu hỏi như : Tất cả bằng bao nhiêu? Đây là số mấy ?					x					
30	Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		x								
31	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.									x	
32	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		x		x	x		x			x

33	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.		x		x	x		x			x
34	Trẻ biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.	x		x		x	x		x		
35	Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).						x				
Sắp xếp theo qui tắc												
36	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định.										x
37	Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc				x						

38	Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	Tạo ra các quy tắc sắp xếp.										X
		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan					X					
So sánh hai đối tượng												
39	Trẻ sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.							X			
		Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.								X		
		Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.									X	
Nhận biết hình dạng												
40	Trẻ biết ghép các hình hình học bằng các cách khác nhau.	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu			X							
		Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau			X							

41	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ. So sánh và chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. Nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	x						x			
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian												
42	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		x								
43	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai									x	
		Gọi tên các thứ trong tuần.									x	
		Các mùa trong năm và nói được đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống									x	

Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng												
44	Trẻ nói được đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. Vị trí của trẻ trong gia đình.		x								
45	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	Tên, tuổi, giới tính công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp và nơi làm việc của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.			x	x						
46	Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	Địa chỉ, số nhà, đường, phố/thôn, xóm, xã, huyện, số điện thoại của gia đình.			x							
47	Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Tên, địa chỉ của trường lớp. Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non.	x									

48	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	Tên và công việc của các cô bác ở trường.	x									
49	Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	x									
50	Trẻ nói được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng như chợ, trường học, trạm y tế... ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.										x
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương												

51	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, đặc điểm, sự khác nhau, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề, nghề truyền thống của địa phương. Ví dụ: Nghề nuôi cá lồng, trồng cam canh, trang trại nuôi đà điểu, trang trại nuôi dê...				X						
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh												
52	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội..	Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội và hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: Lễ hội đình, chùa; lễ hội mùa xuân, Ngày hội đến trường của bé, bé vui tết trung thu.	X						X			X
53	Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.										X
Giáo dục phát triển ngôn ngữ												

Nghe và hiểu lời nói:												
54	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.		x								
		Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động								x		
55	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát	Hiểu các từ khái quát: đồ dùng gia đình, động vật, nghề nghiệp, phương tiện giao thông, thực vật...			x	x	x	x				
		Một số từ trái nghĩa: Nước nóng – lạnh, bút ngắn – dài...									x	
56	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có?		x								
		Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp		x								
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:												
57	Trẻ kể được rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để	Nói rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng.			x							

	người nghe có thể hiểu được.											
58	Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh	Sử dụng các danh từ, tính từ, động từ, từ biểu cảm chỉ tên gọi, hành động, tính chất sự biểu cảm trong câu nói phù hợp với hoàn cảnh trong sinh hoạt hàng ngày.							X			
		Không nói tục chửi bậy			X							
59	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng câu đơn, câu ghép khác nhau.						X				
		Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.						X				
60	Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	Kể lại sự việc theo trình tự.							X			

61	Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố phù hợp tuổi. - Đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, hò, vè, câu đố phù hợp tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
62	Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết trong nội dung truyện.	Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Kể lại truyện đã được nghe và có thể thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...		x	x	x	x	x	x	x	x	x
63	Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	Đóng kịch.					x		x	x		x
64	Trẻ biết sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như: Cảm ơn, xin phép, xin lỗi, dạ, vâng, tạm biệt, xin chào...				x						
		Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.										x

65	Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.				x						
66	Trẻ biết khởi xướng cuộc trò chuyện theo nhu cầu của bản thân	- Mạnh dạn chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Đặt các câu hỏi: Tại sao? như thế nào? Làm bằng gì?	x									
Làm quen với việc đọc, viết												
67	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.				x						
		Đọc theo tranh truyện đã được nghe nhiều lần và “đọc” truyện qua các tranh vẽ.										x
		Thể hiện sự thích thú với sách				x						
		Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách						x				
68	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh	Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh								x		

	nghiệm của bản thân.	Kể truyện theo các tình huống và các hình ảnh mà trẻ thấy được			x						x	
69	Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách									x	
		Có một số hành vi, ứng xử như người đọc: Cầm sách đúng chiều, lật từng trang sách, đọc từ dòng trên xuống dòng dưới, từ trái sang phải, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.										x
70	Trẻ biết một số kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	Nhận được các kí hiệu đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đồ dùng, ca cốc...	x									
		Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	x									

71	Trẻ nhận dạng được các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	Nhân dạng và phát âm đúng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. So sánh điểm giống và khác nhau giữa các chữ cái trong nhóm có điểm tương đồng.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
		Thích đọc những chữ đã biết có ở môi trường xung quanh		x								
		Chữ cái có thể thay thế cho lời nói và các chữ viết ra có thể đọc được				x						
72	Trẻ biết tô đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Giáo dục phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội												
Thể hiện ý thức về bản thân												
73	Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	Thông tin quan trọng của bản thân và gia đình.			x							
74	Trẻ nói được điều bé thích, không	Sở thích, khả năng của bản thân.		x								

	thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân					X					
75	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.		X								
		Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân		X								
76	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.			X							
77	Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	Vâng lời người lớn, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo việc vừa sức.	X									
Thể hiện sự tự tin, tự lực												
78	Trẻ chủ động làm được một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	Chủ động và độc lập trong một số hoạt động						X				

79	Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	Thực hiện công việc được giao và cố gắng thực hiện công việc đến cùng.								X		
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh												
80	Trẻ biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	Một số trạng thái cảm xúc của người khác (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.		X								
81	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh				X						
82	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau								X		

		Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.							X			
		Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm và đồ chơi với bạn								X		
		Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn									X	
83	Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	Dễ hòa đồng với bạn trong nhóm chơi	X	X		X	X	X	X	X	X	X
		Chủ động đến nói chuyện và sẵn lòng trả lời các câu hỏi với những người gần gũi							X			X
		Có nhóm bạn chơi thường xuyên					X					
84	Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	Mô tả được hành động của mình có ảnh hưởng đến tình cảm và hành động của người khác			X							
85	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	Xem tranh ảnh, video về Bác, về chỗ ở, nơi làm việc của Bác Hồ.										X

86	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	Nghe kể chuyện, hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ										X
		Kính yêu Bác Hồ.										X
87	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Di tích lịch sử: Đền Khúc Thừa Dụ, Đền Tranh, Đình Đông, Múa Rối Nước Hồng Phong.							X			X
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội												
88	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)	X		X							
		Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác				X						

89	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép.	Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự trong sinh hoạt hàng ngày: Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn, biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà...						x				
90	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	Lắng nghe ý kiến của người khác				x						
		Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện							x			
91	Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	Xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành đồ chơi của bạn khác	x									
		Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm						x				
		Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận					x					
92	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Trao đổi, thỏa thuận, quan tâm, chia sẻ, lắng nghe, giúp đỡ bạn khi tham gia hoạt động	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

93	Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	Kiểm chế những cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.										X
		Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết			X							
		Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn								X		
		Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn									X	
Quan tâm đến môi trường												
94	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc	Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.					X				X	
95	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	Giữ gìn vệ sinh môi trường				X						X
		Nhận ra các hình ảnh bỏ rác đúng nơi quy định trên các sản phẩm như: Vỏ bánh, vỏ kẹo, vỏ bim bim...		X								
96	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ	Nhận xét và tỏ thái độ với một số hành vi đúng - sai, tốt – xấu									X	

	gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	của con người đối với môi trường										
97	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường. Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.									X	
Giáo dục phát triển thẩm mỹ												
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật.												
98	Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. Bài hát: Hát về Hải Dương, Hồng Phong Tình Đất Tình Người, Về Ninh Giang...									X	

99	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao và tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển. - Thể hiện cảm xúc phù hợp khi nghe các bài thơ, câu chuyện.								X		
100	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình và biết sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình										X
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình												

101	Trẻ nhận ra giai điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Nghe và nhận ra sắc thái (vui hay buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
102	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
103	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
104	Trẻ phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu	Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	x	x		x	x	x	x	x	x	x

	thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.											
105	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
106	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục		x	x	x	x	x	x	x	x	
107	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	x			x				x		
108	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.								x		

109	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	x									
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật												
110	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.										x
		Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).										x
111	Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu tự chọn trong các bài hát, bản nhạc.			x							
112	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Nói lên được ý tưởng trong sản phẩm tạo hình của mình.				x						
		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.					x					
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật												

113	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình, cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	Đặt tên cho sản phẩm của mình.							X			
		Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát.										X
114	Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.					X					